

Biểu mẫu								
NHU CẦU HỖ TRỢ XI MĂNG ĐỂ LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN								
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG TRÀ CẦU								
(Kèm theo Công văn số /UBND ngày /12/2025 của UBND phường Trà Cầu)								
NĂM 2026								
Stt	Tên xã, loại đường	Nhu cầu hỗ trợ xi măng (tấn)	Cấp đường (A, B, C, D)	Chiều dài (m)	Nguồn lực đối ứng (triệu đồng)			Ghi chú
					Ngân sách địa phương	Huy động nhân dân	Vốn khác	
	Phường Trà Cầu							
*	Đường ngõ, xóm	811,56		8.534,5		2.049,4		
1	Nguyễn Đình Mân đến Trần Thị Mến	7,5	C	75,0		18,8		
2	Đặng Thị Dư đến Châu Thị Trang	2,8	D	35,0		7,0		
3	Đặng Văn Cường đến Trần Văn Bong	6	C	60,0		15,0		
4	Huỳnh Quang Vinh đến Huỳnh Quang Lộc	4,5	C	45,0		11,3		
5	Huỳnh Lư đến Võ Đình Tiến	9,2	C	92,0		23,0		
6	Từ Kênh Liệt Sơn đến nhà Nguyễn Thanh Lâm - Nguyễn Ngọc Hà	9,1	C	91,0		22,8		
7	Từ Kênh Liệt Sơn đến nhà ông Nguyễn Hải	8,4	C	84,0		21,0		
8	Từ nhà ông Cường đến nhà ông Bảy Lờ	27,2	C	272,0		68,0		
9	Từ nhà Thầy Chí đến Bình Văn	4	D	50,0		10,0		
10	Huỳnh Văn Chính đến Huỳnh Bá	8,5	C	85,0		21,3		
11	Từ nhà ông Phạm Tân đến nhà ông Nguyễn Bá Nhâm	10	C	100,0		25,0		
12	Từ nhà ông Bùi Ngọc Tuấn đến nhà bà Trần Thị Kim Chi	4	C	40,0		10,0		
13	Tuyến nhà ông Huỳnh Ngọc Thủ	6,8	D	85,0		17,0		
14	Tuyến nhà bà Nguyễn Thị Năm	4	C	40,0		10,0		
15	Tuyến nhà ông Tô Thanh Hùng	8,5	C	85,0		21,3		
16	Tuyến nhà ông Trần Quốc Huy	6	C	60,0		15,0		
17	Tuyến nhà ông Huỳnh Bé	8	C	80,0		20,0		
18	Tuyến nhà ông Đào Văn Quân	22	C	220,0		55,0		
19	Tuyến nhà bà Phạm Thị Diện	3,5	C	35,0		8,8		
20	Từ nhà ông Nguyễn Thành Vũ đến nhà bà Võ Thị Thanh Cẩm	5	C	50,0		12,5		
21	Từ đường Bê tông đến nhà ông Nguyễn Tấn Thành	11,5	C	115,0		28,8		
22	Từ đường Bê tông đến nhà ông Nguyễn Truyền	8	C	80,0		20,0		
23	Từ đường Bê tông đến nhà ông Trần Chí Tâm	15	C	150,0		37,5		
24	Tuyến đường nhà Mỹ, Quang, Yến, Quý	3,9	C	39,0		9,8		
25	Từ Trạm Biên phòng Mỹ Á đến nhà Điện,Long, Trí Hương	6	C	60,0		15,0		
26	Tuyến Lê Sáu đến Võ Quan	20	C	200,0		50,0		
27	Tuyến Nguyễn Danh đến Huỳnh Tấn Thuận	18	C	180,0		45,0		
28	Tuyến Lê Tấn Hưng đến Nguyễn Duy Hải	18	C	180,0		45,0		
29	Tuyến Võ Nương đến Nguyễn Kim Trọng	6,5	C	65,0		16,3		
30	Tuyến nhà ông Võ Hiền	5	C	50,0		12,5		
31	Tuyến đường nhà bà Nhơn đi ông Sơn	4,8	D	60,0		12,0		
32	Tuyến nhà ông Trần Anh Tuấn	5	C	50,0		12,5		
33	Tuyến nhà ông Lê Văn Nhị	11	C	110,0		27,5		
34	Tuyến Nguyễn Thị Lệ đến Nguyễn Châu Hải	0,8	C	90,0		22,5		
35	Tuyến Nguyễn Thị Lệ đến Nguyễn Văn Xuân	8,5	C	85,0		21,3		
36	Tuyến Trường xóm 5 đến Nguyễn Ngọc Thơ	26,5	C	265,0		66,3		
37	Nguyễn Thửu đến Huỳnh Hào	7,5	C	75,0		18,8		
38	Tuyến đường cái mới đến nhà ông Trần Chung	4	C	40,0		10,0		
39	Tuyến đường nhà bà Quân đến nhà Phạm Đùng	5	C	50,0		12,5		
40	Tuyến đường từ nhà Yến xóm 27 đến đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Nhân đi lên	55	C	550,0		137,5		
41	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Thanh đến nhà bà Huỳnh Thị Ruộng	10	C	100,0		25,0		
42	Tuyến nhà ông Đoàn Tường Trình đến đường thủy lợi	25	C	250,0		62,5		
43	Từ nhà Năm Trọng đến Hồ Mười	8	C	80,0		20,0		
44	Từ đường Bê tông đến Nhà Hai Tiền nối rẽ xuống Loan	12,68	D	158,5		31,7		
45	Từ nhà Nguyễn Thế Ninh lên bà Xảo	10,4	C	104,0		26,0		
46	Từ nhà ông Trần Năm vào ông Sáu râu	21,1	C	211,0		52,8		
47	Từ đường Bê tông vào nhà Nguyễn Thị Lệ, Nguyễn Nhật Linh	4,5	C	45,0		11,3		
48	Từ đường bê tông vào nhà ông Nguyễn Thanh Lâm	4,5	C	45,0		11,3		
49	Đường Bê tông vô nhà ông Huỳnh Tót - Huỳnh Đăng Tôn	22,3	C	223,0		55,8		
50	Đường Bê tông đến nhà ông Hoàng Nhân	3	C	30,0		7,5		
51	Đường Bê tông đến Phạm Ngọc Tuấn	3,5	C	35,0		8,8		
52	Đường Bê tông đến Bùi Ngọc Nhân	3	C	30,0		7,5		
53	Đường bê tông đến Lê Văn Diệp	2	C	20,0		5,0		
54	Tuyến Huỳnh Thị Tươi đến nhà ông Huỳnh Long	8,4	D	105,0		21,0		
55	Đường Bê tông ra ông Nghiêm	7,2	D	90,0		18,0		

56	Ông Thực ra Liễu	15,6	D	195,0		39,0		
57	Cầu 5 Dụ ra bà Mười	13,5	C	135,0		33,8		
58	Từ nhà ông Ông Quảng đến thầy Hưng	5,2	D	65,0		13,0		
59	Từ nhà Thầy Hưng ra đường Bê tông	9,5	C	95,0		23,8		
60	Đặng Thanh Nguyên đến Đặng Minh Dũng	3,5	C	35,0		8,8		
61	Võ Thanh Tân đến Đỗ Văn Hòa	7	C	70,0		17,5		
62	Phạm Thị Bích Lệ đến Huỳnh Thị Mai	12	C	120,0		30,0		
63	Thái Hồng Hà đến Võ Tiến Đạt	20	C	200,0		50,0		
64	Huỳnh Trị đến Đặng Văn Tâm	4,5	C	45,0		11,3		
65	Từ nhà ông Võ Chí Công đến nhà ông Võ Văn Min	12	C	120,0		30,0		
66	Nguyễn Triết đến Huỳnh Hải Hưng	5,2	D	65,0		13,0		
67	Đường bê tông đến Trần Tâm	3,36	D	42,0		8,4		
68	Đường bê tông đến Trần Năm	3,28	D	41,0		8,2		
69	Ngõ Lê Đình Tin đến Lê Thanh Hoá	0,8	D	10,0		2,0		
70	Tuyến nhà ông Huỳnh Đăng Tôn đến Huỳnh Đại	2,16	D	27,0		5,4		
71	Đường Bê tông đến nhà ông Huỳnh Đăng thành	2,64	D	33,0		6,6		
72	Đường Bê tông vào ông Sơn	4,8	C	48,0		12,0		
73	Đường Bê tông đến ông Khiêm + 4 Tục	18	C	180,0		45,0		
74	Đường Bê tông đến ông Trương	4,8	D	60,0		12,0		
75	Nối Đường Bê tông đến thầy Tôn	8,4	C	84,0		21,0		
76	Đường Bê tông đến ông Trần Tám	5,5	C	55,0		13,8		
77	Đường Bê tông đến ông Phạm Văn Tươi	10,5	C	105,0		26,3		
78	Đường Bê tông đến ông Tuấn	30,2	C	302,0		75,5		
79	Từ ông Tuấn đến nối đường Bê tông	7,28	D	91,0		18,2		
80	Thầy Tư đến 7 Liễu	11,12	D	139,0		27,8		
81	Ngõ ông Phi đến 7 Thầu	8	C	80,0		20,0		
82	Từ nhà bà Hồng đến Trọng + 3 Thông	13,76	D	172,0		34,4		
83	Từ mương xuống ông Thái	8,88	D	111,0		22,2		
84	Đường Bê tông đến ông Tùng	3,5	C	35,0		8,8		
85	Đường Bê tông đến ông Long	4	D	50,0		10,0		
86	Đường Bê tông đến ông Đức	2	C	20,0		5,0		
*	Đường trục chính nội đồng	82		820,0		205,0		
1	GTND: Tuyến đường Gò Tân đến cầu bờ Bạt	7	C	70,0		17,5		
2	GTND: Từ ngõ bà Ân đến nhà bà Thắng	75	C	750,0		187,5		

Biểu mẫu								
NHU CẦU HỖ TRỢ XI MĂNG ĐỂ LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN								
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG TRÀ CẦU								
(Kèm theo Công văn số /UBND ngày /12/2025 của UBND phường Trà Cầu)								
NĂM 2027								
Stt	Tên xã, loại đường	Nhu cầu hỗ trợ xi măng (tấn)	Cấp đường (A, B, C, D)	Chiều dài (m)	Nguồn lực đối ứng (triệu đồng)			Ghi chú
					Ngân sách địa phương	Huy động nhân dân	Vốn khác	
	Phường Trà Cầu							
*	Đường ngõ, xóm	134,4		1.441		336		
1	Nguyễn Quốc Công đến Phạm Văn Vương	3	C	30		7,5		
2	Phạm Văn Long đến Trần Ngọc Bạch	8,8	D	110		22		
3	Huỳnh Văn Tư đến Huỳnh Ngọc Thi	2,5	C	25		6,25		
4	Huỳnh Ngọc Trung đến Huỳnh Ngọc Thông	4,5	C	45		11,25		
5	Đặng Thị Năm đến Nguyễn Văn Thông	8,4	D	105		21		
6	Đặng Văn Ấn đến Đặng Thị Hoa Đào	15	C	150		37,5		
7	Trần Văn Tuấn đến Phan Đô Thành	10	C	100		25		
8	Nguyễn Thừa đến Huỳnh Thị Năm	5,5	C	55		13,75		
9	Nguyễn Văn Ninh đến Trần Thị Chín	10	C	100		25		
10	Nguyễn Thị Quảng đến Nguyễn Thị Hương	4,5	C	45		11,25		
11	Trần Mười đến Võ Thị Thơm	3	C	30		7,5		
12	Nguyễn Thị Tư đến Nguyễn Thái Sơn	2,2	C	22		5,5		
13	Nguyễn Văn Tạo đến Nguyễn Hồng	6,8	D	85		17		
14	Huỳnh Thị Thanh Thủy đến Phạm Thị Tư	3,8	C	38		9,5		
15	Nguyễn Bê đến Nguyễn Kiềm	5,1	C	51		12,75		
16	Trần Lưu đến Trần Thị Phi	3,5	C	35		8,75		
17	Nguyễn Đức Ninh đến Lê Trung Lương	15	C	150		37,5		
18	Nguyễn Văn Hoàng đến Nguyễn Văn Đạt	3	C	30		7,5		
19	Lê Bình đến Bùi Văn Hùng	10,4	D	130		26		
20	Nguyễn Thị Sơn đến Nguyễn Quang Kiềm	2	D	25		5		
21	Võ Thị Đờ đến Phạm Văn Thắng	2,5	C	25		6,25		
22	Huỳnh Trung Hiếu đến Nguyễn Thiện Thuận	2,4	D	30		6		
23	Từ nhà ông Nguyễn Văn Thanh đến Nguyễn Trung Tấn	2,5	C	25		6,25		

Biểu mẫu								
NHU CẦU HỖ TRỢ XI MĂNG ĐỂ LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN								
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG TRÀ CÂU								
(Kèm theo Công văn số /UBND ngày /12/2025 của UBND phường Trà Câu)								
NĂM 2029								
Stt	Tên xã, loại đường	Nhu cầu hỗ trợ xi măng (tấn)	Cấp đường (A, B, C, D)	Chiều dài (m)	Nguồn lực đối ứng (triệu đồng)			Ghi chú
					Ngân sách địa phương	Huy động nhân dân	Vốn khác	
I	Phường Trà Câu							
*	Đường ngõ, xóm	54		540		135		
1	Từ nhà ông Nguyễn Tường đến Nguyễn Văn Sa	28	C	280		70		
2	Từ nhà Phạm Minh Tuất đến Nguyễn Thị Ngãi	15	C	150		37,5		
3	Từ nhà Lê Văn Kham đến Nguyễn Thị Mười	11	C	110		27,5		

